

NGHỊ QUYẾT

**Về Quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2020,
tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 4**

(Từ ngày 03/4/2012 đến ngày 05/4/2012)

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Xét Tờ trình số 18 /TTr-UBND ngày 16/3/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về Quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND Thành phố; ý kiến giải trình của UBND Thành phố; ý kiến của các đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội cần chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, dựa trên lợi thế so sánh về nguồn nhân lực, vị trí địa lý, giao thông vận tải và phải gắn kết chặt chẽ sản xuất với thị trường, gắn với hai hành lang và một vành đai kinh tế.

- Phát triển các ngành công nghiệp chất lượng cao, công nghệ cao gắn với chiến lược phát triển kinh tế tri thức, phát triển bền vững.

- Phát triển công nghiệp phải gắn kết với việc di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp với quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường tại các khu dân cư.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ cho nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại và trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế tri thức, góp phần thiết thực xây dựng Thủ đô Hà Nội về cơ bản có nền công nghiệp theo hướng hiện đại trước năm 2020 (trước cả nước từ 1 đến 2 năm).

- Phát triển công nghiệp gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung:

Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao của cả nước; phát triển công nghiệp gắn với phát triển khoa học công nghệ, gắn với phát triển các trung tâm nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm sản phẩm mới và văn phòng của các tập đoàn sản xuất lớn; tạo nên các sản phẩm chất lượng và giá trị cao có khả năng cạnh tranh và đáp ứng tiêu chuẩn tiên tiến của các nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng bình quân 12,13%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,32%/năm và giai đoạn 2021 - 2030 đạt 10,20%/năm.

- Cơ cấu công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 41-42% (trong đó công nghiệp chiếm 31-32%) năm 2015 và giữ ổn định 41-42% vào năm 2020 trong tổng giá trị GRDP của Thành phố.

3. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp

3.1. Ngành điện tử - công nghệ thông tin:

Xây dựng ngành công nghiệp điện tử - công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp chủ lực để tạo cơ sở hỗ trợ cho các ngành khác phát triển. Phấn đấu để Hà Nội trở thành trung tâm của cả nước về thiết kế sản phẩm, sản xuất phần mềm, sản xuất linh kiện, thiết bị và các dịch vụ điện tử - tin học. Tiếp tục phát triển phương thức lắp ráp các thiết bị điện tử - tin học, tiếp nhận công nghệ, đáp ứng nhu cầu sản phẩm điện tử trong nước và tham gia xuất khẩu. Nâng cao chất lượng, mở rộng thị phần các thiết bị điện, điện tử, dây dẫn và vật liệu cho ngành điện. Khuyến khích sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Hà Nội; Phát triển các sản phẩm phần mềm tin học phục vụ cho các ngành công nghiệp và tham gia thị trường xuất khẩu.

- Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 chỉ số sản xuất công nghiệp ngành điện tử - công nghệ thông tin tăng trưởng bình quân đạt 12,63%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13,45%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 đạt 12,18%/năm. Đến năm 2015 chiếm tỷ trọng 10,86%; năm 2020 chiếm tỷ trọng 11,85%; năm 2030 chiếm tỷ trọng 15,53% của toàn ngành công nghiệp.

3.2. Ngành cơ khí:

- Ưu tiên phát triển sản xuất các loại động cơ nhỏ, các sản phẩm điện cơ, cơ khí chính xác, dụng cụ học tập, dụng cụ thí nghiệm, các chi tiết máy hiện đại, các sản phẩm tiêu dùng cao cấp, máy móc, thiết bị văn phòng. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp chế tạo khuôn mẫu.

- Phát triển cơ khí chế tạo thiết bị đồng bộ, các thiết bị điện, cơ điện tử, tự động hoá phục vụ phát triển các ngành công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và tiêu dùng, đáp ứng phần lớn yêu cầu của thị trường trong nước, từng bước vươn ra thị trường khu vực và thế giới.

- Chú trọng phát triển khâu nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới theo hướng gắn kết, hợp tác chặt chẽ với các viện, trường và doanh nghiệp; gắn các chương trình nghiên cứu quốc gia với phát triển các sản phẩm trọng điểm. Từng bước hình thành hệ thống công nghiệp hỗ trợ để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

- Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 chỉ số sản xuất công nghiệp ngành cơ khí tăng trưởng bình quân đạt 12,50%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13,63%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 đạt 10,60%/năm. Đến năm 2015 chiếm tỷ trọng 44,55%; năm 2020 chiếm tỷ trọng 49,22%; năm 2030 chiếm tỷ trọng 52% của toàn ngành công nghiệp.

3.3. Ngành hoá chất, hoá dược và mỹ phẩm:

- Ưu tiên phát triển ngành hoá dược và hoá mỹ phẩm thành ngành công nghiệp mũi nhọn, xây dựng một số phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ nghiên cứu cơ bản cho công nghiệp hoá dược.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tiến tới sản xuất một số loại hoá chất tinh khiết quy mô phòng thí nghiệm phục vụ cho bào chế thuốc, nghiên cứu và giảng dạy.

- Khuyến khích xây dựng các tổ hợp chế biến rác thải kết hợp sản xuất phân vi sinh tại các khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố.

- Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 chỉ số sản xuất công nghiệp ngành hóa chất, hóa dược và mỹ phẩm tăng trưởng bình quân đạt 11,25%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10,0%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 đạt 7,24%/năm. Đến năm 2015 chiếm tỷ trọng 8,31%; năm 2020 chiếm tỷ trọng 7,19%; năm 2030 chiếm tỷ trọng 4,74% của toàn ngành công nghiệp.

3.4. Ngành chế biến nông sản, thực phẩm và đồ uống:

- Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất những sản phẩm có thương hiệu. Chú trọng phát triển các sản phẩm truyền thống nổi tiếng của Thủ đô. Kết hợp với các tỉnh trong vùng Bắc bộ để phát triển các vùng nguyên liệu gắn với các sản phẩm nông nghiệp và bố trí nhà máy chế biến phù hợp với quy hoạch vùng, tránh lãng phí, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 chỉ số sản xuất công nghiệp ngành chế biến nông sản, thực phẩm và đồ uống tăng trưởng bình quân đạt 12,08%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,18%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 đạt 11,13%/năm. Đến năm 2015 chiếm tỷ trọng 17,54%; năm 2020 chiếm tỷ trọng 17,6%; năm 2030 chiếm tỷ trọng 19,99% của toàn ngành công nghiệp.

3.5. Ngành dệt may, da giày:

- Phát triển các trung tâm cung cấp dịch vụ, trung tâm nghiên cứu thiết kế mẫu thời trang cao cấp. Phát triển chủ yếu theo chiều sâu, tập trung vào sản xuất sản phẩm cao cấp theo công nghệ mới, hiện đại không gây ô nhiễm môi trường.

- Hướng vào 3 nhóm sản phẩm chính là giày thể thao, giày dép da và túi cặp. Tập trung đầu tư máy móc trang thiết bị chuyên dùng, công nghệ hiện đại, coi trọng thiết kế mẫu mã để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, cạnh tranh được trong nước và thế giới, tiến tới thay thế hàng nhập khẩu.

- Đẩy mạnh hợp tác liên kết với các tỉnh, thành phố lân cận để phát huy thế mạnh về lao động, đất đai, giao thông của các địa phương.

- Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 chỉ số sản xuất công nghiệp ngành dệt may, da giày tăng trưởng bình quân đạt 6,88%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng

đạt 7,68%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 tăng trưởng đạt 4,75%/năm. Đến năm 2015 chiếm tỷ trọng 5,90%; năm 2020 chiếm tỷ trọng 4,34%; năm 2030 chiếm tỷ trọng 1,99% của toàn ngành công nghiệp.

3.6. Ngành vật liệu xây dựng mới, trang trí nội thất:

- Đầu tư ứng dụng kỹ thuật mới, tiên tiến vào sản xuất các loại vật liệu mới, vật liệu cao cấp, vật liệu tổng hợp phục vụ xây dựng và trang trí nội thất: vật liệu không nung, vật liệu nhẹ, tấm kết cấu 3D, sản phẩm ốp lát, gốm sứ xây dựng; các loại vật liệu mới ứng dụng công nghệ nano như kính chống va đập, kính chống mờ... tiến tới giảm dần việc sản xuất các loại vật liệu gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố.

- Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 chỉ số sản xuất công nghiệp ngành vật liệu xây dựng mới, trang trí nội thất tăng trưởng bình quân đạt 10,65%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng đạt 10,01%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 tăng trưởng đạt 7,25%/năm. Đến năm 2015 chiếm tỷ trọng 6,58%; năm 2020 chiếm tỷ trọng 5,70%; năm 2030 chiếm tỷ trọng 3,77% của toàn ngành công nghiệp.

4. Định hướng phát triển nghề và làng nghề

- Phát triển các làng nghề gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo tồn, khôi phục bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phát triển các nghề và làng nghề xuất phát từ tiềm năng và nhu cầu của xã hội nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị văn hóa nghệ thuật, mỹ thuật và tính thương mại cao nhưng vẫn mang các giá trị truyền thống đặc trưng của các làng nghề.

- Chú trọng kết hợp truyền thống với việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào các công đoạn sản xuất, đảm bảo cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường, duy trì chất lượng sống khu vực dân cư tại địa phương có làng nghề.

5. Định hướng phát triển không gian công nghiệp

- Phát triển công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm, các khu công nghệ cao, các khu công nghiệp tập trung (tổng diện tích khoảng 8000ha); di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung.

- Phía Bắc bao gồm Sóc Sơn, Mê Linh, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm, Từ Liêm khoảng 3.200ha: ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử - công nghệ thông tin, cơ khí, sản xuất ô tô, công nghiệp vật liệu mới, hoá dược - mỹ phẩm, dệt may...

- Phía Nam thuộc Thường Tín, Phú Xuyên khoảng 1.500ha: ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sinh học phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản theo công nghệ hiện đại với nguyên liệu đầu vào từ vùng phát triển nông nghiệp thuộc các tỉnh phía nam Hà Nội; phát triển công nghiệp hỗ trợ (dệt may, da giày, cơ khí chế tạo, điện tử tin học, sản xuất và lắp ráp ô tô...).

- Phía Tây là Hoà Lạc, Xuân Mai, Miếu Môn khoảng 1.800ha: ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chủ lực là công nghiệp sinh học phục vụ nông nghiệp, hoá dược - mỹ phẩm, công nghệ điện tử, cơ khí chính xác, công nghệ vật

liệu mới, công nghệ nano, công nghệ năng lượng mới, vật liệu xây dựng mới, nội thất cao cấp...

- Các thị trấn khoảng 1.400 - 1.500ha: ưu tiên phát triển công nghiệp sinh thái, chế biến nông sản thực phẩm chất lượng cao...

- Quy hoạch các cụm công nghiệp để giữ gìn và phát triển các nghề thủ công truyền thống, làng nghề thủ công, giải quyết vấn đề ô nhiễm của các làng nghề.

6. Một số giải pháp chủ yếu:

6.1. Giải pháp về công nghệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, các chính sách về phát triển công nghệ. Nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

- Lựa chọn áp dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động chuyển nhượng quyền thương mại đi kèm chuyển giao công nghệ. Nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập vườn ươm doanh nghiệp công nghiệp.

- Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng các dạng năng lượng thay thế có hiệu quả trong sản xuất công nghiệp.

6.2. Giải pháp về đầu tư

a. Về vốn:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2011-2020 là: 238.757 tỷ đồng (trong đó giai đoạn 2011-2015: 124.904 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020: 113.853 tỷ đồng).

b. Nguồn vốn:

- Nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ các nhà đầu tư vào ngành công nghiệp Thành phố Hà Nội.

- Vốn ngân sách đầu tư của Nhà nước chỉ mang tính chất hỗ trợ, tập trung vào xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các lĩnh vực hỗ trợ phát triển công nghiệp (*chuyển giao công nghệ tiên tiến, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay lãi suất thấp, vốn vay ưu đãi theo chương trình của Chính phủ...*).

6.3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ quản lý khoa học kỹ thuật; các chủ doanh nghiệp; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao đáp ứng đủ nhu cầu nguồn nhân lực để thực hiện các mục tiêu phát triển công nghiệp Hà Nội, gắn với nhu cầu phát triển, khắc phục tình trạng chênh lệch quá lớn về trình độ thiết bị trong các trường dạy nghề với thực tiễn sản xuất.

- Mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế về đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

6.4. Giải pháp về tổ chức và quản lý

- Thực hiện cải cách hành chính theo hướng tập trung giải quyết, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo lập môi trường bình đẳng, thông thoáng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng sản phẩm, quyền sở hữu công nghiệp, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội của các doanh nghiệp.

- Tập trung tổ chức, triển khai công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn.

- Sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, đẩy nhanh tiến độ đầu tư thiết bị, công nghệ mới, nâng cao năng lực sản xuất, năng lực công nghệ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý điều hành sản xuất phù hợp với cơ chế thị trường, chú trọng thúc đẩy hoạt động nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại và nghiên cứu phát triển trong các doanh nghiệp công nghiệp.

- Xây dựng nội dung, tổ chức kênh cung cấp thông tin thường xuyên về hội nhập kinh tế quốc tế đến các doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, xây dựng và quảng bá thương hiệu.

6.5. Tập trung phát triển các nhóm sản phẩm, các ngành sản xuất có lợi thế cạnh tranh

- Xây dựng quy hoạch phát triển các ngành hàng, sản phẩm quan trọng để định hướng cho doanh nghiệp mở rộng đầu tư.

- Triển khai các chương trình hợp tác, liên doanh liên kết giữa Hà Nội với các địa phương khác trong cả nước để đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, các ngành phụ trợ, liên kết sản xuất, chế biến tại chỗ phục vụ xuất khẩu.

6.6. Hợp tác liên vùng phối hợp phát triển

Phối hợp với các tỉnh, thành phố trong việc phát triển các khu công nghiệp, hoạt động sản xuất công nghiệp để hướng tới Hà Nội trở thành trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất (như công nghệ phần mềm, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến thực phẩm chất lượng cao, có giá trị lớn.....), hạn chế phát triển các ngành thâm dụng đất và lao động ở Hà Nội.

6.7. Giải pháp bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp. Các dự án đầu tư mới phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định và phải thực hiện đầy đủ phương án xử lý chất thải, bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 2.

1. Giao UBND Thành phố nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách nêu tại Báo cáo số 08/BC-KTNS ngày 30/3/2012; ý kiến của

đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp để bổ sung, hoàn thiện bản Quy hoạch trước khi phê duyệt; tập trung vào một số nội dung sau:

- Rà soát quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trên cơ sở đánh giá kỹ thực trạng hoạt động các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với quy định.

- Xác định rõ hơn định hướng và giải pháp phát triển các nghề, làng nghề truyền thống, bổ sung đầy đủ các nghề, làng nghề của Hà Nội.

- Nghiên cứu, xác định cụ thể những ngành công nghiệp hạn chế phát triển trên địa bàn Thành phố trong thời gian tới.

- Rà soát, điều chỉnh một số chỉ tiêu cho thống nhất với Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và một số quy hoạch khác đã có.

- Cụ thể hóa và bổ sung đầy đủ hơn các giải pháp để đảm bảo tổ chức thực hiện quy hoạch hiệu quả.

2. Đề nghị UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. Trước khi phê duyệt, thực hiện lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng theo quy định tại Quy chế kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng trong khu vực phòng thủ ban hành kèm theo Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu Quốc Hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công thương; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Tài nguyên và môi trường, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP TU, các Ban Thành ủy;
- VP ĐDBQH&HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo thành phố Hà Nội;
- Các cơ quan thông tấn báo chí;
- Lưu.

H

CHỦ TỊCH



Ngô Thị Doãn Thanh